

Bản án số: 02/2020/HS-PT
Ngày 16 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn;

Ông Trần Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo Nguyễn Tự C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tự C và đồng phạm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2019/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tự C, sinh ngày 10/10/1991 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tự T và bà Kim Thị T; vợ: Nguyễn Thị T; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Lưu Văn K, sinh ngày 11/10/1984 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn B và bà Nguyễn Thị S; vợ: Nguyễn Thị L, có 02 con: lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Huy Q, sinh ngày 08/11/1991 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề

nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy Y và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay (có mặt).

4. Lê Xuân H, sinh ngày 29/4/1993 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân K và bà Vũ Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2019 cho đến nay (có mặt).

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ là bạn bè ở cùng xã nên buổi chiều ngày 29/6/2018, Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K và Lê Xuân H cùng ngồi uống bia tại quán bia T ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. H có nói chuyện đang khó khăn về tài chính nên nhờ C đi thuê giúp xe ô tô tự lái mục đích đem xe lên thành phố L cầm cố lấy tiền đánh bạc. C không đồng ý thuê giúp H vì những năm gần đây H không thường xuyên sống ở nhà tại thị trấn T, huyện B nên C không biết về điều kiện kinh tế cũng như việc làm ăn của H. Sau khi uống bia được một lúc thì H về trước, chỉ còn lại C, K và Q tiếp tục ngồi nói chuyện. Lúc này, Nguyễn Huy Q1 cũng đến ngồi uống bia với C, K và Q. Tại đây, C nói với K, Q và Q1 là C có khả năng thuê xe nhưng do không tin tưởng H, không muốn thuê xe cho H nên mới nói là không thể thuê được xe, còn nếu anh em mình muốn thuê xe ô tô để lên L đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc thì C sẽ thuê được ngay. Nghe C nói vậy, cả K, Q đều đồng ý và chủ động xin tham gia cùng C thuê xe ô tô đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc, riêng Q1 ngồi im không tham gia ý kiến, không đề nghị cùng thuê xe ô tô đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc với C.

Khoảng 15 giờ hôm sau ngày 30/6/2018, C, Q, K và Q1 tiếp tục ngồi uống bia tại quán bia T, trong quá trình ngồi uống bia K, C và Q bàn bạc thống nhất việc sẽ thuê xe ô tô rồi đi lên thành phố L cầm cố lấy tiền đánh bạc, việc đi thuê và thủ tục thuê xe do C lo liệu, khi nào thuê được xe thì C có trách nhiệm thông báo và đón K, Q cùng đi lên L. Lần này Q1 chỉ ngồi uống bia mà không tham gia ý kiến bàn bạc về việc thuê xe. Sau khi uống bia xong cả nhóm đi hát karaoke tại một quán hát tại xã B, huyện B, tỉnh V. Trong lúc mọi người đang hát thì K về trước và đến một nhà nghỉ (không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) ở khu vực xã Đ, thuộc địa bàn huyện Y, tỉnh V rồi gọi điện thoại cho chị Hà Thị Thu T đang làm nhân

viên quán hát ở địa bàn huyện Y rủ T đi L chơi, T đồng ý. Hát xong, C, Q1, Q thuê xe taxi (không nhớ hãng xe, biển kiểm soát) đi về quán bia T để Q1 lấy xe máy còn Q tiếp tục đi taxi về nhà nghỉ ở Đ cùng K. Q1 điều khiển xe máy, nhãn hiệu Nouvo, biển kiểm soát: 88G1 – 109.95 chở C đi về nhà. Trên đường đi, C hỏi mượn xe máy của Q1 để đi có việc (mục đích dùng xe máy đặt làm tin để thuê xe ô tô) thì Q1 đồng ý và điều khiển xe máy chở C về nhà Q1 rồi giao xe máy cho C mượn. C điều khiển đến nhà ông Nguyễn Trọng T ở đường T, phường N, thành phố V, tỉnh V để thuê xe ô tô tự lái (lúc này khoảng 19h ngày 30/6/2018). Sau khi thỏa thuận, ông T cho C thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA biển kiểm soát: 29A- 603.51, thời hạn thuê xe từ ngày 30/6/2018 đến ngày 04/7/2018, giá thuê là 800.000đ/1 ngày, C để lại xe máy biển kiểm soát: 88G1-109.95 là tài sản đảm bảo rồi lập hợp đồng thuê xe ô tô ghi nhận các nội dung thỏa thuận trên. Sau đó, ông T giao cho C xe ô tô biển kiểm soát 29A- 603.51 cùng 01 đăng ký xe ô tô (bản phô tô), 01 sổ đăng kiểm và 01 bảo hiểm dân sự (đều là bản gốc), còn C để lại xe máy rồi điều khiển xe ô tô đi đón K, Q và bạn gái của K là chị Hà Thị Thu T để cùng nhau đi L cầm cố xe ô tô lấy tiền đánh bạc. Sau khi đón được nhóm người trên, C nói với K, Q là đã thuê được xe ô tô nhưng lên L thì không quen ai để cầm cố xe nên rủ H tham gia cùng đi L để bảo H đi cầm cố xe ô tô và đưa vào nơi đánh bạc, nếu H muốn lấy tiền đánh bạc thì cầm cố xe được bao nhiêu tiền sẽ chia cho H một phần, K và Q đồng ý. Sau đó, C gọi điện rủ H đi L thì H nói “em chưa thuê được xe để mai em đi”. C liền nói cho H biết đã thuê được xe và rủ H đi cùng để tìm chỗ cầm cố xe lấy tiền chia nhau đánh bạc. H đồng ý và bảo C đến đón ở khu vực gần siêu thị Big C V thuộc phường K, thành phố V. Sau khi cả nhóm đón được H thì trên đường đi, H có hỏi C “Anh thuê xe ở đâu đấy?” thì C nói “mày không thuê được đâu” rồi C bảo H thu xếp tìm chỗ cầm cố xe ô tô vừa thuê được, H đồng ý và bảo “cứ yên tâm”. Đến rạng sáng ngày 01/7/2018, C điều khiển xe tới phường D, thành phố L, tỉnh L thì cả nhóm uống nước ở một quán nước ven đường, tại đây C có nói cho K, Q và H về việc C thuê xe ô tô của ông T ở Vĩnh Yên với giá 800.000đ/1 ngày, ký hợp đồng thuê xe từ ngày 30/6/2018 đến 04/7/2018, hết hạn phải trả tiền thuê xe, anh em tính toán (ý là tiền thuê xe mọi người đều phải có trách nhiệm đưa cho C để C trả cho ông T) thì cả nhóm không ai nói gì. Sau đó, C điều khiển xe chở H và Q về phòng trọ của H còn K và T đi chơi ở thành phố L. Đến buổi trưa cùng ngày 01/7/2018, Q1 gọi điện thoại hỏi C đang ở đâu thì C bảo đang ở L nên Q1 bắt xe khách lên thành phố L chơi cùng nhóm của C rồi H điều khiển xe ô tô ra đón Q1 vào phòng trọ của H.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H rủ C và Q1 đi vào sới bạc để đánh bạc (lúc này Q, K và T đi chơi chưa về), C và Q1 đều đồng ý. Sau đó, H chỉ đường cho C điều khiển xe chở H và Q1 đi vào sới bạc (không nhớ cụ thể địa chỉ) ở

huyện B, tỉnh L. Do không có tiền đánh bạc nên H bảo C đưa chìa khóa xe ô tô để H đem cầm cố lấy tiền đánh bạc. Tại sới bạc, H gặp anh Vũ Trọng H1 (là người H có quen biết từ trước) đặt vấn đề cầm cố xe lấy 40.000.000đ. Khi trao đổi cầm cố xe anh H1 có hỏi H về nguồn gốc xe ô tô thì H nói là xe của H. Anh H1 đồng ý cho H cầm cố xe và đưa cho H 40.000.000đ nhưng không viết giấy tờ gì và chưa thỏa thuận về lãi suất. Sau khi cầm cố xe thì C và H chia nhau mỗi người 20.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc còn Q1 chỉ ngồi chơi, không tham gia cầm cố xe, không cầm khoản tiền nào và cũng không tham gia đánh bạc. Sau đó, C và H đánh bạc thắng nên đã trả lại tiền cho H1 chuộc lại xe ô tô và đi về phòng trọ của H để ngủ.

Đến khoảng 20 giờ ngày 02/7/2018, cả nhóm gồm C, H, Q, K, Q1, T lại đi tới xới bạc ở huyện B, tỉnh L. Trên đường đi thì Q1 có việc nên xuống xe giữa đường rồi bắt xe khách về tỉnh V, những người còn lại tiếp tục đi tới xới bạc. Khi vào xới bạc, do không có tiền nên H và C tiếp tục gặp Vũ Trọng H1 và cầm cố xe ô tô cho anh H1 lấy số tiền 50 triệu đồng, H là người trực tiếp đặt vấn đề cầm cố xe ô tô, C là người nhận tiền từ H1 rồi chia cho K 20.000.000đ, chia cho H 20.000.000đ còn C cầm 10.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc còn T chỉ ngồi chơi gần đó không tham gia. Sau khi đánh bạc thua thì Q đề nghị C gặp anh H1 lấy thêm 20.000.000đ từ việc cầm cố xe ô tô, C đồng ý gặp anh H1 lấy thêm 20.000.000đ và đưa cho Q để đánh bạc. H cũng thua hết tiền, H bảo C cho H lấy thêm 5.000.000đ từ tiền cầm cố xe ô tô để tiêu sài cá nhân, C đồng ý và bảo H đến gặp H1 lấy tiền. Tổng cộng số tiền cầm cố xe ô tô sau ba lần cả nhóm lấy tiền từ anh H1 là 75.000.000đ, khi đưa tiền anh H1 không viết giấy tờ gì cũng chưa thỏa thuận gì về lãi suất. Do thua bạc hết tiền và không chuộc được xe ô tô nên cả nhóm đi về phòng trọ của H ngủ. Ngày 03/7/2018, K, Q và C bắt xe ô tô khách đi về nhà. Sau đó, khoảng đầu tháng 7/2018, anh H1 điều khiển xe đi chơi ở thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Do hết tiền nên H1 đã nhờ một người nam giới tên là T (không rõ họ, tuổi, địa chỉ) và một người nữ giới tên là N ở thành phố B, tỉnh B (là những người H1 mới quen biết, gặp gỡ khi đi chơi tại thành phố T) giới thiệu chỗ cầm cố xe ô tô cho H1. Sau đó, N và T đưa anh H1 đến quán cắt tóc T của anh Phạm Huy T ở xóm Đồng T, xã H, huyện Đ, tỉnh T để cầm cố xe ô tô. Trong quá trình trao đổi, H1 nói với anh T nguồn gốc xe là của H1, anh T đồng ý nhận cầm cố và thỏa thuận với H1 giá cầm cố xe ô tô là 100.000.000đ, lãi suất 1.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Anh T viết giấy nhận cầm cố tài sản, giữ lại xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe và đưa tiền cho H1 (giấy cầm cố xe ô tô do anh T viết tay và lưu giữ nhưng đã làm mất), H1 hẹn anh T sau 01 tuần sẽ đến trả tiền và lấy lại xe ô tô. Sau thời gian 01 tuần không thấy anh H1 đến chuộc xe ô tô nên anh T đã cho anh Nguyễn Tuấn A ở xóm Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh T mượn xe ô tô trên sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 04/7/2018, đến hạn C phải trả xe ô tô cho ông T nhưng không thấy C đến trả xe và trả tiền thuê xe nên ông T đã gọi điện thoại yêu cầu C trả xe và trả tiền thuê xe ô tô thì C xin gia hạn hợp đồng thuê xe ô tô thêm vài ngày nữa đồng thời cùng ngày 04/7/2018, C đã chuyển vào tài khoản của ông Toàn số tiền 10.000.000đ thanh toán tiền thuê xe ô tô. Sau đó, hết thời hạn gia hạn ông Toàn gọi điện thoại nhưng C nhất lần sau đó không nghe điện thoại và cũng không đến trả tiền thuê xe, trả xe theo thỏa thuận.

Ngày 14/8/2018, ông Nguyễn Trọng T có đơn trình báo về việc bị Nguyễn Tự C lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, loại xe 7 chỗ, màu sơn ghi bạc biển kiểm soát: 29A- 603.51. Trị giá thiệt hại về tài sản là 350.000.000đ, đồng thời ông T giao nộp cho cơ quan Công an: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 29A - 603.51 (bản gốc), 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 30/6/2018 mục dưới đại diện bên thuê xe có ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Tự C (bản gốc), 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ông Nguyễn Trọng T (bản sao), 01 hợp đồng ủy quyền quản lý, sử dụng xe ô tô 29A- 603.51 của ông Trần Văn B cho ông Nguyễn Trọng T (bản sao) và 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Nouvo biển kiểm soát: 88G1- 109.95.

Ngày 31/8/2018, Công an thành phố Vĩnh Yên đã thu giữ tại nhà của anh Nguyễn Tuấn A xe ô tô biển kiểm soát: 29A- 603.51 cùng toàn bộ giấy tờ xe gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản photô).

Ngày 05/11/2018, anh Lưu Văn H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thành phố V 01 đăng ký xe máy, nhãn hiệu YAMAHA Nouvo, biển kiểm soát 88G1- 109.95 mang tên Trần Thị Vân K và 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh Lưu Văn H và chị Trần Thị Vân K (đều là bản photô).

Ngày 11/5/2019, anh Nguyễn Huy C (là anh trai của Nguyễn Huy Q) và chị Nguyễn Thị T (là vợ của Nguyễn Tự C) đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thành phố V mỗi người 25.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 136/KL- HĐĐG ngày 11/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận: “01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA INOVA, biển kiểm soát: 29A- 603.51, màu sơn ghi bạc, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2008 (xe đã cũ đã qua sử dụng) có trị giá 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 1660 ngày 12/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Chữ ký, chữ viết dưới mục: ĐẠI DIỆN BÊN B trên hợp đồng cho thuê xe tự lái đề ngày 30/6/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký và chữ viết trong Bản kiểm điểm đề ngày 28/8/2018 của Nguyễn Tự C (ký hiệu M1) là do cùng một người ký và viết ra”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2019/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã Q định:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tự C 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/02/2019).

Xử phạt bị cáo Lưu Văn K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/02/2019).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Q 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/02/2019).

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 08 (tám) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/3/2019).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải Q về trách nhiệm dân sự, tuyên án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2019 Lưu Văn K và Nguyễn Huy Q kháng cáo, ngày 03/11/2019 Lê Xuân H kháng cáo ngày 04/11/2019 Nguyễn Tự C kháng cáo đều với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q và Lê Xuân H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q và Lê Xuân H.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để đánh bạc, Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q và Lưu Văn K đã nảy sinh ý định rủ nhau thuê xe ô tô tự lái đi đến thành phố L, tỉnh L cầm cố lấy tiền đánh bạc. Sau khi bàn bạc, các đối tượng thống nhất C sẽ trực tiếp đi thuê xe ô tô sau đó rủ H đi cùng lên thành phố L vì H biết chỗ cầm cố xe và chia tiền cho H cùng đánh bạc. Ngày 30/6/2018, C đến cửa hàng thuê xe ô tô tự lái của ông Nguyễn Trọng T ở phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, BKS: 29A- 603.51 rồi điều khiển xe đi đón Q, K và gọi điện thoại cho Lê Xuân H nói cho H biết đã thuê được xe ô tô và rủ H cùng đi L để cầm cố xe ô tô lấy tiền chia nhau đánh bạc, H biết rõ mục đích nhóm của C rủ H lên thành phố L đánh bạc và sẽ cầm cố xe ô tô để lấy tiền đánh bạc nên H đồng ý. Ngày 01/7/2018, cả nhóm tới thành phố L, H và C cầm cố xe ô tô trên cho Vũ Trọng H1 lấy 40.000.000đ cùng nhau đánh bạc thắng nên chuộc lại được xe ô tô. Sau đó, đến ngày 02/7/2018, H, C, Q và K tiếp tục đến gặp H1 cầm cố xe ô tô, BKS: 29A - 605.31 lấy 75.000.000đ chia nhau cùng sử dụng đánh bạc, do thua bạc hết tiền nên các đối tượng không có khả năng trả lại xe ô tô cho ông T, trị giá thiệt hại về tài sản là 350.000.000đ. Xe ô tô, BKS: 29A- 603.51 đã thu giữ và trả lại cho ông Toàn là chủ sở hữu hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q và Lưu Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Các bị cáo cũng không thắc mắc về tội danh.

Riêng bị cáo Lê Xuân H, tại phiên tòa không thừa nhận việc nhờ C thuê xe ô tô để cầm cố lấy tiền đánh bạc, không biết nguồn gốc xe ô tô là do C đi thuê mà có, không thừa nhận việc đứng ra cầm cố xe ô tô cho anh H1 và không được chia tiền từ việc cầm cố xe để sử dụng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K, người làm chứng chị Hà Thị Thu T và người nhận cầm cố xe ô tô anh Vũ Trọng H1 cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được có đủ cơ sở để khẳng định, trước đó H có nhờ C thuê hộ xe ô tô để đem cầm cố lấy tiền đánh bạc nhưng C không đồng ý nên khi được C gọi điện rủ đi L, H biết rõ mục đích C, Q, K lên L để đánh bạc nhưng không ai có tiền, tài sản, không biết chỗ đánh bạc và chỗ cầm cố xe ô tô nên rủ H đi cùng để dẫn đến địa điểm đánh bạc và cầm cố xe; khi C nói với H là thuê được xe rồi thì H biết rõ nguồn gốc xe ô tô không phải là của C, xe không có giấy tờ hợp pháp, do C đi thuê mà có rồi sẽ cầm cố lấy tiền đánh bạc và thực tế H đã giúp nhóm của C tìm gặp Vũ Trọng H1 và trực tiếp đặt vấn đề cầm cố xe và được chia số tiền 25.000.000đ từ việc cầm cố xe rồi sử dụng vào mục đích đánh bạc, là đã giúp nhóm của C tiêu thụ tài sản có được một cách bất hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Xuân H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà

có” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q và Lưu Văn K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã cùng nhau bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo C, K, Q nên các bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Tự C 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn toàn phù hợp vì bị cáo là người chủ mưu, có vai trò tích cực nhất trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét do đó, cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lưu Văn K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn toàn phù hợp vì bị cáo nhất trí cao với C trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Sau khi xét xử sơ thẩm, có tài liệu xác định bị cáo K có tham gia quân ngũ từ tháng 02 năm 2004 đến tháng 8 năm 2005. Tuy nhiên, với mức độ phạm tội của bị cáo thì cũng không thể giảm nhẹ hình phạt, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Huy Q 08 (tám) năm 03 (ba) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn toàn phù hợp vì bị cáo nhất trí cao với C trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét do đó, cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo H không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào do không thành khẩn khai báo, không bồi thường thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lê Xuân H 08 (tám) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là hoàn toàn phù hợp vì bị cáo rất tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét do đó, cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo C, K, Q, H không được chấp nhận nên các bị cáo này phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K và Lê Xuân H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2019/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tự C 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 28/02/2019).

1.2. Xử phạt bị cáo Lưu Văn K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 28/02/2019).

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Q 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 28/02/2019).

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 08 (tám) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02/3/2019).

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K và Lê Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND thành phố Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành